

Số: 15/2021/QĐST- DS

Đắk Hà, ngày 05 tháng 4 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2021, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2021/TLST- DS, ngày 04 tháng 01 năm 2021 (Thụ lý cũ số: 153/2020/TLST- DS, ngày 30 tháng 11 năm 2020).

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A (*Tên công ty viết tắt: ACB*). Địa chỉ trụ sở: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, Quận 3, Thành phố M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Văn X - Chức vụ: Nhân viên của Ngân hàng Thương mại cổ phần A (Theo Giấy uỷ quyền lại số: 1146/UQ-QLN.20 ngày 13/10/2020 của Giám đốc Phòng Quản lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần A). Địa chỉ liên hệ: 38-40 Trần Phú (nối dài), phường Tây Sơn, thành phố K, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 và bà Trần Thị D, sinh năm 1974. Cùng thường trú tại: Thôn 12 (Thôn Tân Lập A), xã Đ, huyện H, tỉnh T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn V1, sinh năm 1989. Trú tại: Thôn 12 (Thôn Tân Lập A), xã Đ, huyện H, tỉnh T.

- Anh Nguyễn Văn V2, sinh năm 1991. Trú tại: Thôn 12 (Thôn Tân Lập A), xã Đ, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1994. Trú tại: Thôn 12 (Thôn Tân Lập A), xã Đ, huyện H, tỉnh T.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền phải thanh toán:

Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A (*Tên công ty viết tắt: ACB*) tổng số tiền nợ tính đến ngày 15/01/2021 là: 753.960.340 đồng (*Bảy trăm năm mươi ba triệu chín trăm sáu mươi ngàn ba trăm bốn mươi đồng*), trong đó tiền gốc: 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn: 6.041.096 đồng (*Sáu triệu không trăm bốn mươi một ngàn không trăm chín mươi sáu đồng*), tiền lãi quá hạn: 47.120.549 đồng (*Bốn mươi bảy triệu một trăm hai mươi ngàn năm trăm bốn mươi chín đồng*), phạt chậm trả lãi: 753.695 đồng (*Bảy trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm chín mươi lăm đồng*).

Lãi suất sẽ tiếp tục được tính kể từ ngày 16/01/2021 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số: KTU.CN.1537.121218 ngày 12/12/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số: KTU.CN.2352.151119 ngày 12/12/2018 và Khế ước nhận nợ số: 293976839 ngày 12/10/2019 trên số nợ gốc thực nợ cho đến ngày ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D trả dứt nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại cổ phần A (bên được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D (bên phải thi hành án) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A với ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D.

Tài sản thế chấp gồm có:

- Quyền sử dụng đất (đất ở nông thôn) tại thửa đất số: 49, tờ bản đồ số: C. Địa chỉ thửa đất: Thôn 12, xã Đ, huyện H, tỉnh T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 432056, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008 cho người sử dụng đất ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D.

- Quyền sử dụng đất (đất nông nghiệp) tại thửa đất số: 34, tờ bản đồ số: 18. Địa chỉ thửa đất: Thôn 12, xã Đ, huyện H, tỉnh T (nay là Thôn 5, xã B, huyện Đ, tỉnh T). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 524233, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 18 tháng 10 năm 2007 mang tên người sử dụng đất ông Nguyễn Văn H.

- Quyền sử dụng đất (đất trồng cây hàng năm khác) tại thửa đất số: 31, tờ bản đồ số: 14. Địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã B, huyện Đ, tỉnh T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 471096, do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 30 tháng 6 năm 2014 mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hộ ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D.

- Quyền sử dụng đất (đất trồng cây hàng năm khác) tại thửa đất số: 7 tờ bản đồ số: 14 (Bản đồ đo đạc chính quy năm 2012). Địa chỉ thửa đất: Thôn 5, xã B, huyện Đ, tỉnh T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 471098, do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh T cấp ngày 30 tháng 6 năm 2014 mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hộ ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D.

Trường hợp sau khi kê biên xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán hết khoản nợ vay theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số: KTU.CN.1537.121218 ngày 12/12/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số: KTU.CN.2352.151119 ngày 12/12/2018; Khế ước nhận nợ số: 293976839 ngày 12/10/2019 và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) thì ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

2. Về tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 155, Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) các đương sự phải chịu, ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D thỏa thuận chịu toàn bộ số tiền này.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 6; Điều 18; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do hòa giải thành nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định của số tiền phải thanh toán, tính được là 17.079.206 đồng (*Mười bảy triệu không trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm lẻ sáu đồng*). Số tiền này, ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D thỏa thuận chịu toàn bộ.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 16.339.652 đồng (*Mười sáu triệu ba trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm năm hai đồng*) đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004409 ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh